

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Trần Giáp Long.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ông Thị Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Văn T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F, đường P (số C, đường L), Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2024 và lời trình bày của bà Ông Thị Thanh T tại đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ngày 11/02/2025:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ông Thị Thanh T và ông Triệu Văn T1 là vợ chồng chung sống với nhau từ cuối năm 2005 và đến ngày 21/02/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì bà T và ông Trương S với nhà cha mẹ chồng tại số F đường P, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà T và ông Trương S hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không còn phù hợp nhau, bất hòa về quan điểm sống, nên không chung sống với nhau được. Đến tháng 12 năm 2011 bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Từ năm 2012 cho

đến nay, bà T và ông Trương K còn liên lạc với nhau vì ông T1 đã rời khỏi nơi cư trú đã lâu mà không có tin tức gì. Bà T đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố ông T1 mất tích theo luật định và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên bố ông T1 mất tích theo quyết định số 39/2024/QĐST-VDS, ngày 27/9/2024. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Ông Thị Thanh T và ông Triệu Văn T1 có 01 người con chung là Triệu Thị Mỹ D, sinh ngày 01/7/2006, đến nay cháu D đã trên 18 tuổi, đã có nghề nghiệp và tự nuôi sống bản thân. Về tài sản chung: Bà T trình bày không có. Về nợ chung: Bà T trình bày không có.

Nay bà Ông Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ông Thị Thanh T được ly hôn với ông Triệu Văn Trương.

Về con chung: Sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng vì cháu Triệu Thị Mỹ D, sinh ngày 01/7/2006 đã trưởng thành, tự đi làm và nuôi sống bản thân. quyết.

Về tài sản chung: Bà Ông Thị Thanh T trình không có, nên không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: Bà Ông Thị Thanh T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ông Thị Thanh T đã nộp: Căn cước công dân của bà Ông Thị Thanh T, bản sao; Trích lục kết hôn số 65/2023/TLKH-BS, ngày 31/01/2023, bản chính; Giấy khai sinh số 271/2006, quyền số 02, ngày 27/7/2006 của cháu Triệu Thị Mỹ D, bản sao; Đơn tường trình và cam kết nộp chứng cứ, ngày 20/12/2024, bản chính; Quyết định số 39/2024/QĐST-VDS, ngày 27/9/2024, bản photo.

Đối với bị đơn ông Triệu Văn T1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Triệu Văn T1 không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ông Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Triệu Văn T1 có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nguyên đơn bà Ông Thị Thanh T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Triệu Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Ông Thị Thanh T cung cấp và ông Triệu Văn T1 không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ông Thị Thanh T, nhận thấy bà T và ông Trương tự N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2006 ngày 21/02/2006, việc xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5]. Về yêu cầu ly hôn của bà Ông Thị Thanh T: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2012 đến nay ông Trương Đ đâu không rõ, gia đình tìm kiếm nhưng không liên lạc được. Bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T1 mất tích và tại Quyết định số 39/2024/QDST-VDS, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên bố ông Triệu Văn T1 mất tích. Nay bà T yêu cầu được ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Triệu Văn T1

[6] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông T1 có 01 người con chung tên Triệu Thị Mỹ D, sinh ngày 01/7/2006. Xét thấy, con chung là Triệu Thị Mỹ D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Ông Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà Ông Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà Ông Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Thị Thanh T:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ông Thị Thanh T được ly hôn với ông Triệu Văn Trương .

1.2/. Về con chung: Đối với cháu Triệu Thị Mỹ D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Ông Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3/. Về tài sản chung: Bà Ông Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4/. Về nợ chung: Bà Ông Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Ông Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008788, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Ông Thị Thanh T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- UBND Phường 3, TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Như